TÒA ÁN N DÂN **KHU VỰC 18** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/DS-ST
Ngày: 26-01-2026
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Các Hội thẩm N dân:

1. Ông Lê Văn Đặng;
2. Ông Nguyễn Hữu Cổn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án N dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát N dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án N dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 575/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2025 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2026/QĐXXST-DS ngày 05/01/2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Minh N, sinh năm 1981; địa chỉ: Khu phố 3, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt

- *Bị đơn:* Ông Châu Thanh Q, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 2, khu phố 1A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Kim P, sinh năm 1956; địa chỉ: Tổ 2, khu phố 1A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh; yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2025 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Trần Minh N trình bày:

Ông Trần Minh N và ông Châu Thanh Q có quen biết nhau trong xã hội. Đầu năm 2021, ông Q nhiều lần gặp ông N trình bày hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên muốn vay ông N một số tiền để kinh doanh. Ông N tin tưởng nên ngày 20/05/2021 ông N cho ông Q vay số tiền là: 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Để làm tin ông N và ông Q có giao kết hợp đồng vay tiền ngày 20/05/2021, tuy nhiên do ông Q không thể tới ký được nên ông Q đã nhờ mẹ ruột là bà Nguyễn Kim P lên ký tên và điểm chỉ thay trên bản thoả thuận nay. Thời hạn vay của hợp đồng là 03 (ba) tháng bắt đầu từ ngày 20/05/2021 đến 20/08/2021, lãi suất 5%/tháng.

Sau khi lấy được tiền, ông Q không thực hiện trả lãi như thoả thuận, ông N nhiều lần liên hệ thì ông Q xin trả một lần khi đến hạn trả tiền. Thấy ông Q khó khăn nên ông N đã đồng ý. Đến hạn trả tiền nhưng không thấy ông Q trả tiền nên ông N đã liên hệ và yêu cầu ông Q trả tiền nhưng ông Q không đồng ý trả nợ, mặt khác ông Q có dấu hiệu trốn tránh và không chịu hợp tác.

Ngày 14/01/2022, ông N có nhận được thông tin ông Q đang ở tại ấp Hòa Đông B, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Do sự thiếu hiểu biết về pháp luật, với tâm thế mong muốn nhanh chóng lấy lại được số tiền cho ông Q vay nên ngày 15/01/2022, ông N đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật là "bắt người trái pháp luật", sau đó "cưỡng đoạt tài sản" với số tiền là 43.000.000 đồng (bốn mươi ba triệu đồng) đối với ông Q. Sau đó ông N yêu cầu Q cam kết trả số tiền nợ gốc còn lại là 157.000.000 đồng.

Ngày 24/01/2022, gia đình Q đã thu xếp trả ông N số tiền nợ là 157.000.000 đồng và ông N đã viết giấy nhận đủ tiền 200.000.000 đồng, cụ thể: 43.000.000 đồng ông N cưỡng chế lấy của ông Q ngày 15/01/2022 và 157.000.000/ đồng gia đình ông Q trả ngày 24/01/2022.

Đến ngày 02/05/2022, ông N bị khởi tố về tội "Bắt người trái pháp luật" và "Cưỡng đoạt tài sản" cho các hành vi trên, ông N đã bị xử phạt nghiêm minh theo Bản án số 08/2023/HS-ST. Gia đình ông N đã hoàn trả lại cho ông Q số tiền 43.000.000 đồng (bốn mươi ba triệu đồng) có được do hành vi phạm pháp luật của bản thân. Đến nay khi ông N chấp hành xong án phạt tù, nhưng ông Q vẫn chưa thanh toán cho ông N số tiền nợ gốc còn lại là 43.000.000 đồng, ông N đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông Q trả nợ nhưng ông Q không chịu trả tiền và còn thách thức ông N "mày đi thưa đi, tao không trả đó". Hành vi trên của ông Q đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông N.

Vì lẽ trên, ông N yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, giải quyết sau đây: Buộc ông Châu Thanh Q phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ còn lại là 43.000.000 đồng (bốn mươi ba triệu đồng) cho ông N.

2. Bị đơn ông Châu Thanh Q trình bày:

Số tiền 43.000.000 đồng mà ông N trình bày trên là tài sản hợp pháp của ông Q, cơ quan pháp luật đã trả lại cho ông Q nên ông Q không có nghĩa vụ trả

lại cho ông N. Ông Q khẳng định không ký kết bất kỳ hợp đồng vay tài sản nào đối với ông N mà chưa thực hiện trả nợ. Ông N khởi kiện thì phải cung cấp chứng cứ chứng minh việc ông Q có vay tiền của ông N. Đối với số tiền 200.000.000 đồng mà ông N nêu trong đơn khởi kiện là do mẹ của ông Q là bà Nguyễn Kim Phượng vay của ông N, sau đó em gái và em rễ của ông Q tên Châu Thị Tuyết Minh và Nguyễn Thanh Sang đã thay mặt bà Phượng trả cho ông N số tiền 157.000.000 đồng, ông Q mượn tiền của ông Trần Minh Hoàng và đã nhiều lần thanh toán cho ông N với số tiền tổng cộng là 73.000.000 đồng, như vậy bà Phượng không còn nợ tiền ông N.

Ông Q không có ý kiến gì đối với nội dung bản án sơ thẩm số 08/2023/HS-ST ngày 15/02/2023 của Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh và bản án phúc thẩm số 53/2023/HS-PT ngày 25/5/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Kim P trình bày:

Bà P là người vay tiền của ông N nên bà P là người ký tên trên giấy vay tiền, việc trả số tiền nêu trên do con gái của bà P tên Châu Thị Tuyết M, con rể tên Nguyễn Văn S và Châu Thanh Q (con ruột) trực tiếp trả hết nợ cho ông N, sau khi trả nợ xong đã xé giấy nợ.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông N, bà P không đồng ý với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của ông N bởi vì tiền nợ đã trả hết rồi, gia đình bà P không còn nợ tiền ông N nên không có nghĩa vụ phải trả. Bà P không có yêu cầu gì trong vụ án và cũng không có quyền lợi hay nghĩa vụ gì trong vụ án này nên đề nghị Toà án cho bà được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn ông N trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ mới là "Giấy mượn tiền" có chữ ký của ông N (người cho mượn), ông Q (người mượn) với nội dung: Ông Q có mượn của ông N số tiền 35.000.000 đồng, trong thời gian từ 22/02/2021 đến 22/4/2021 ông Q có trách nhiệm hoàn trả tiền cho ông N. Ông N giải thích về tài liệu, chứng cứ này như sau: Số tiền 78.000.000 đồng mà ông Q trình bày đã trả cho ông N là tiền bao gồm 35.000.000 đồng mà ông Q đã mượn của ông N (theo Giấy mượn tiền nêu trên) và tiền lãi phát sinh của số tiền 200.000.000 đồng mà ông Q đã vay của ông N ngày 20/05/2021. Đối với số tiền 43.000.000 đồng mà ông Q chuyển trả cho ông N là do ông N thực hiện hành vi trái pháp luật, trong quá trình bị tạm giam gia đình của ông N đã khắc phục hậu quả trả lại số tiền 43.000.000 đồng cho ông Q, như vậy ông Q còn nợ ông N số tiền 43.000.000 đồng nên ông N yêu cầu ông Q phải trả lại số tiền nêu trên.

Bị đơn ông Q trình bày: Thừa nhận có vay của ông N số tiền 35.000.000 đồng như ông N vừa trình bày nhưng đây là khoản vay khác và ông Q đã thanh

toán xong số tiền này cho ông N. Đối với số tiền 200.000.000 đồng mà ông N cho bà P vay thì bà M và ông S đã trả 157.000.000 đồng, ông Q trả 78.000.000 đồng bao gồm vừa tiền nợ gốc và tiền lãi cho nên ông Q không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông N.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Kim Phượng vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát N dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên toà: Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng quy định tại Điều 26, 35, 39, 68, 85, 93, 94, 95, 96, 97, 195 và 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn và bị đơn có mặt, riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Kim Phượng yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án; căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đã sửa đổi, bổ sung năm 2025 Toà án xét xử vắng mặt bà Phượng.

[2] Về thẩm quyền: Nguyên đơn tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại phường Chánh Phú Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh; căn cứ vào Nghị quyết Thành lập Toà án nhân dân tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án N dân cấp tỉnh, Toà án N dân khu vực số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân Khu vực 18- Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Toà án nhận định về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Xét thấy bị đơn ông Châu Thanh Q không thừa nhận có vay tiền của ông Trần Minh N. Tuy nhiên, Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2023/HS-ST ngày 15/02/2023 của Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh và Bản án phúc thẩm số 53/2023/HS-PT ngày 25/5/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh (đã có hiệu lực pháp luật) đã nhận định:

Ngày 20/05/2021, ông Q vay của ông N số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) với lãi suất 5%/tháng. Sau đó, ông Q không trả tiền cho ông N nên ngày 21/11/2021, ông N đăng thông tin ông Q trốn nợ lên mạng xã hội Facebook và nhờ mọi người liên lạc với N nếu biết thông tin về Q. Đến ngày 16/01/2022, N thực hiện hành vi bắt giữ Q trái pháp luật và buộc Q phải chuyển khoản số tiền 43.000.000 đồng vào tài khoản của N, số tiền còn lại là 157.000.000 đồng thì Q hứa đến ngày 17/01/2022 sẽ trả cho N. Quá trình điều tra, ông N tác động gia đình nộp lại số tiền 43.000.000 đồng nêu trên để trả lại cho ông Q.

Biên bản ghi lời khai ngày 28/01/2022, tại Công an xã Hoà Hiệp, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, ông Q thừa nhận có vay của ông N số tiền 200.000.000 đồng như nội dung Bản án nêu trên đã nhận định, sau khi bị N bắt giữ, do sợ bị N đánh nên Q đã chuyển khoản số tiền 43.000.000 đồng từ tài khoản của Q sang tài khoản của N; ngày 21/01/2022, Q tố giác hành vi nêu trên của N; đến ngày 24/01/2022, Q đã trả hết số tiền còn lại là 157.000.000 đồng cho ông N.

[3.2] Như vậy, việc ông Q vay số tiền 200.000.000 đồng của ông N là có thật; ông Q đã trả cho ông N 02 lần với tổng số tiền là 200.000.000 đồng nhưng số tiền 43.000.000 đồng mà ông Q chuyển khoản trả cho ông N là do ông N thực hiện hành vi trái pháp luật nên ông Trần Văn Q (là cha của ông N) đã khắc phục hậu quả bằng cách trả lại số tiền này cho ông Q (trong thời gian ông N bị tạm giam). Như vậy, tổng số tiền ông Q đã trả cho ông N là 157.000.000 đồng, số tiền nợ ông Q còn phải tiếp tục trả cho ông N là 43.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông N là có căn cứ chấp nhận.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Toà án.

[5] Từ các phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Minh N đối với ông Châu Thanh Q là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận được quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2025;

Căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Minh N đối với bị đơn ông Châu Thanh Q về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Châu Thanh Q phải trả lại số tiền 43.000.000 đồng (bốn mươi ba triệu đồng) cho ông Trần Minh N.

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Châu Thanh Q phải chịu 2.150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại ông Trần Minh N 1.075.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0029484 ngày 22/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
VKSND Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Phương

Hội thẩm N dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lê Văn Đặng **Nguyễn Hữu Cổn** **Nguyễn Văn Phương**